

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN LÝ LUẬN VỀ SỰ CẦM QUYỀN CỦA ĐCS TRUNG QUỐC

GS. TS DƯƠNG PHÚ HIỆP

Lý luận về sự cầm quyền do chính Đảng Cộng sản (ĐCS) Trung Quốc xây dựng không phải chỉ từ khi Đảng cầm quyền và cũng không phải chỉ xuất phát từ thực tiễn Trung Quốc. Lý luận đó trước hết dựa trên tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin về xây dựng Đảng và có tham khảo kinh nghiệm của các Đảng cầm quyền và không cầm quyền của các nước trên thế giới.

Vấn đề lý luận về sự cầm quyền của ĐCS Trung Quốc là vấn đề lớn, trải qua nhiều bước thăng trầm của lịch sử. Sự lãnh đạo đúng hay sai của ĐCS Trung Quốc là nhân tố quyết định mọi thành công hay thất bại sự phát triển của đất nước này. Vì vậy, nghiên cứu vấn đề cầm quyền của Đảng là rất quan trọng. Ở đây, bài viết chỉ đề cập đến quá trình hình thành và phát triển của lý luận về sự cầm quyền của ĐCS Trung Quốc

nhằm phác họa ra bức tranh chung về sự cầm quyền của Đảng đó.

I. MÁC - ĂNGGHEN VÀ LÊNIN ĐÃ CUNG CẤP NHỮNG TƯ TƯỞNG QUAN TRỌNG VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ VỀ SỰ CẦM QUYỀN CỦA ĐCS

1) Trong thế kỷ XIX, các ĐCS chưa giành được chính quyền nên *Mác và Ăngghen* chưa có điều kiện bàn nhiều về sự cầm quyền của ĐCS, nhưng tư tưởng của hai ông về xây dựng Đảng đã được các ĐCS đặc biệt lưu ý. Đó là những tư tưởng sau đây:

Một là, ĐCS phải có cương lĩnh, chiến lược, sách lược của mình.

Hai là, khi xây dựng Cương lĩnh, chiến lược và sách lược, các ĐCS phải tuân thủ nguyên tắc lịch sử - cụ thể, nghĩa là phải tính đến đặc điểm cụ thể của từng nước trong từng thời kỳ phải xuất phát từ điều kiện từng nơi, từng lúc.

Ba là, đặc biệt trong “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”, Mác và Ăngghen đã trình bày một cách vắn tắt lý thuyết về xây dựng Đảng, bao gồm những tư tưởng rất cơ bản: (1) ĐCS đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân; (2) ĐCS do những người kiên quyết nhất, tiên tiến nhất trong giai cấp vô sản hợp thành, họ luôn luôn đi đầu trong phong trào công nhân; (3) Mục tiêu trước mắt của ĐCS là tổ chức giai cấp vô sản lại thành một giai cấp có giác ngộ cao về vai trò của mình, lật đổ nền thống trị của giai cấp tư sản, giành lấy chính quyền, xóa bỏ chế độ tư hữu; (4) ĐCS là một chính đảng kiên trì theo chủ nghĩa quốc tế vô sản; (5) Mục đích cuối cùng của ĐCS là thực hiện CNCS.

Trong lý luận của ĐCS Trung Quốc về xây dựng Đảng và về sự cầm quyền không thể không dựa vào những tư tưởng chỉ đạo đó của Mác và Ăngghen.

2) Học thuyết Lênin về sự cầm quyền của Đảng

Trong học thuyết này có những tư tưởng đáng chú ý sau đây:

Thứ nhất, để xây dựng cương lĩnh, chiến lược, sách lược, ĐCS phải đặc biệt quan tâm đến công tác lý luận vì không có lý luận cách mạng thì không có phong trào cách mạng, một đảng tiên phong phải có lý luận tiên phong soi đường.

Thứ hai, Lênin cho rằng phép biện chứng là linh hồn sống của chủ nghĩa Mác, do đó đòi hỏi ĐCS phải luôn luôn coi “chân lý là cụ thể, cách mạng là sáng

tạo”. Chỉ có sáng tạo thì Đảng mới cầm quyền thành công.

Thứ ba, xây dựng Đảng phải tuân theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nội dung chủ yếu của nguyên tắc này là: Thực hiện kỷ luật chặt chẽ, thống nhất trong Đảng; thực hiện nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên; tổ chức các cấp và toàn thể đảng viên phải chấp hành nghị quyết đại hội đại biểu của Đảng; mọi công việc của Đảng đều phải do toàn thể đảng viên giải quyết một cách bình đẳng và trực tiếp hoặc thông qua đại biểu của mình. Người lãnh đạo và bộ máy lãnh đạo trong Đảng đều được bầu ra và có thể được thay thế, bãi miễn, phải báo cáo công tác với đảng viên.

Tư tưởng của Mác, Ăngghen, Lênin về xây dựng Đảng và sự cầm quyền của Đảng rất phong phú. Ở đây, chúng tôi chỉ nhấn mạnh một số luận điểm cơ bản mà sau này nhiều ĐCS đã vận dụng.

Tuy nhiên, trên thực tế một số ĐCS cầm quyền ở các nước XHCN đã mắc những sai lầm như nóng vội, chủ quan duy ý chí, quan liêu, bao biện làm thay, sùng bái cá nhân, hình thành tầng lớp đặc quyền, đặc lợi, mất dân chủ, xa rời quần chúng nhân dân, v.v....

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN LÝ LUẬN VỀ SỰ CẦM QUYỀN CỦA ĐCS TRUNG QUỐC THỜI KỲ CẢI CÁCH, MỞ CỬA

ĐCS Trung Quốc là một Đảng lâu đời (ngoài 90 tuổi) và lớn (có hơn 80 triệu

đảng viên) đã trải qua hơn 60 năm cầm quyền, có nhiều kinh nghiệm trong đấu tranh cách mạng và trong xây dựng CNXH, đồng thời cũng có nhiều kinh nghiệm về sự cầm quyền của Đảng.

Lý luận về sự cầm quyền của ĐCS Trung Quốc không phải là thứ có sẵn, mà là sự tìm tòi, suy nghĩ, trăn trở, vận dụng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Trung Quốc qua nhiều thời kỳ từ đấu tranh cách mạng sang xây dựng CNXH của các thế hệ lãnh đạo Đảng. Nó phải trải qua những thăng trầm của lịch sử và đôi khi phải trả giá khá đắt. Tập thể lãnh đạo Trung ương thế hệ thứ nhất do Mao Trạch Đông làm hạt nhân là những người đầu tiên xây dựng lý luận về sự cầm quyền của ĐCS Trung Quốc. Mao cho rằng, phải kết hợp những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin với thực tiễn cụ thể của Trung Quốc để xây dựng một ĐCS Trung Quốc Bôn-sê-vich hóa trên phạm vi toàn quốc, mang tính quần chúng rộng rãi và hoàn toàn vững vàng về tư tưởng, chính trị và tổ chức. Trong Hội nghị TW 2 khóa VII của ĐCS Trung Quốc, Mao Trạch Đông đã đề ra yêu cầu “hai điều nhất thiết phải” là (1) Nhất thiết phải tiếp tục giữ gìn tác phong khiêm tốn, cẩn thận, không kiêu ngạo, không nóng vội; (2) Nhất thiết phải tiếp tục giữ gìn tác phong phấn đấu gian khổ.

Tư tưởng Mao Trạch Đông được Đại hội VII của ĐCS Trung Quốc chính thức

xác định là tư tưởng chỉ đạo của Đảng, là chủ nghĩa Mác – Lênin vận dụng và phát triển tại Trung Quốc, là sự tổng kết kinh nghiệm về cách mạng và về xây dựng Đảng. Với tư tưởng chỉ đạo của Mao Trạch Đông, ĐCS Trung Quốc mắc phải hàng loạt sai lầm tả khuynh, sa vào con đường trị nước lấy đấu tranh giai cấp làm chính. Tả về chính trị đã dẫn tới phát động phong trào “nhảy vọt” về kinh tế, khiến sản xuất bị đổ vỡ, đời sống nhân dân rất khó khăn. Đường lối kinh tế được thể hiện bằng: “Ba ngọn cờ hồng” với ba trụ cột “Đường lối chung”, “Đại nhảy vọt” và “Công xã nhân dân”. Tiếp đó là “Cách mạng văn hóa” đã đưa Trung Quốc vào trạng đen tối nhất trong lịch sử Trung Quốc. Vì vậy, giai đoạn ĐCS Trung Quốc cầm quyền từ năm 1949 đến 1978 được gọi là giai đoạn “thành công ít, sai lầm nhiều”. Mặc dù Đặng Tiểu Bình đánh giá Mao Trạch Đông “công 7 tội 3” nhưng trong dịp kỷ niệm 50 năm Quốc khánh 1-10-1999, Lý Thận Chi - nguyên Phó Viện trưởng Viện KHXH Trung Quốc đã viết bài “50 năm sóng gió đau thương” phê phán Mao Trạch Đông như sau: Từ đời Mao cho tới nay, Trung Quốc chưa bao giờ có dân chủ mà chủ yếu thực hiện nền độc tài, sùng bái cá nhân, diệt trừ một loạt trí thức, như cuộc đấu tranh chống phái hữu đã bắt và đưa đi đày tới 550.000 trí thức các loại. Tiếp đó đến hành động duy ý chí tiến hành Cách mạng văn hóa làm máy

chục triệu người chết oan uổng. Lý Thận Chi gọi lịch sử gần 30 năm của CHND Trung Hoa là lịch sử của tám máu hôi tanh. Tất cả những tai họa và đau thương này đều do Mao gây ra, trong đó ĐCS Trung Quốc cũng phải chịu trách nhiệm một phần. Thật ra, cũng có những vấn đề nói hay nhưng không làm.

Có thể nói, sự cầm quyền của ĐCS Trung Quốc trong thời kỳ trước cải cách mở cửa có một số đặc điểm nổi bật sau đây:

Một là, sự cầm quyền của ĐCS Trung Quốc còn mang nặng tàn dư của xã hội có truyền thống quân chủ chuyên chế phong kiến phương Đông lâu đời như tệ sùng bái cá nhân, chế độ gia trưởng hay tác phong gia trưởng, v.v...

Hai là, sự cầm quyền của ĐCS Trung Quốc còn chịu ảnh hưởng của phương pháp lãnh đạo thời chiến, đặc biệt là ban phát mệnh lệnh, ít thuyết phục.

Ba là, sự cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc chịu ảnh hưởng mô hình cầm quyền của ĐCS Liên Xô, đặc biệt là thái độ quan liêu, Đảng bao biện làm thay chính quyền, hình thành tầng lớp đặc quyền đặc lợi, mất dân chủ, quá nhấn mạnh đấu tranh giai cấp, v.v...

Bốn là, thái độ giáo điều đối với chủ nghĩa Mác – Lênin và thái độ không đúng, hư vô chủ nghĩa đối với các thành tựu của nhân loại đã đạt được trong CNTB, đặc biệt là những kinh nghiệm

cầm quyền của các đảng ở các nước TBCN.

Năm là, thực hiện chế độ nhân trị, coi nhẹ việc xây dựng pháp chế, thậm chí trong gần 30 năm kể từ khi thành lập nước CHND Trung Hoa, lập pháp chỉ vắn vện có hai bộ phận là Hiến pháp và Luật hôn nhân. Đến thời kỳ Cách mạng văn hóa, bản thân Hiến pháp cũng bị chà đạp nghiêm trọng, cuối cùng là không còn luật pháp, xã hội rối loạn do xem thường pháp luật.

Sáu là, quyền lực quá tập trung thường biểu hiện ở ba dạng:

a) Quan hệ theo chiều ngang, tức là quan hệ giữa các tổ chức khác nhau, tất cả quyền lực bao gồm quyền lực của tổ chức chính quyền, tổ chức kinh tế, văn hóa, đơn vị sự nghiệp và đoàn thể quần chúng... đều tập trung vào cơ quan lãnh đạo đảng ủy. Hiện tượng này được gọi là “đảng ủy tập quyền quá mức”.

b) Xét theo chiều dọc, tức là quan hệ trên dưới của tổ chức các cấp, quyền lực của tổ chức cơ sở và cấp dưới tập trung quá mức vào cơ quan lãnh đạo cấp trên và Trung ương. Hiện tượng này được gọi là “Trung ương tập quyền quá mức”.

c) Quan hệ giữa cá nhân và tổ chức, quyền lực của tổ chức quá tập trung vào trong tay cá nhân người lãnh đạo chủ yếu, từ đó hình thành sự “sự tập quyền cao độ của cá nhân người lãnh đạo”. Từ đó nảy sinh tình trạng quan liêu, mất

dân chủ, đảng quyền cao hơn chính quyền và dân quyền.

Sở dĩ phải trình bày sáu đặc điểm nói trên là để chúng ta thấy rõ hơn ý nghĩa quan trọng của việc đổi mới lý luận về sự cầm quyền của ĐCS Trung Quốc trong giai đoạn cải cách mở cửa.

III. QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN LÝ LUẬN VỀ SỰ CẦM QUYỀN CỦA ĐCS TRUNG QUỐC TỪ KHI CẢI CÁCH MỞ CỬA ĐẾN NAY

Quá trình này có thể chia làm ba giai đoạn:

1. Việc đột phá lý luận của Đặng Tiểu Bình về sự cầm quyền của ĐCS Trung Quốc

Ngay từ Hội nghị TW3 khóa IX (năm 1978) khi Trung Quốc bước sang thời kỳ lịch sử mới – thời kỳ cải cách và mở cửa, tập thể lãnh đạo Trung ương thế hệ thứ hai do Đặng Tiểu Bình làm hạt nhân đã nêu ra vấn đề phải xây dựng Đảng trở thành chính đảng Mác - xít có sức chiến đấu, đủ sức giải quyết những vấn đề mới trong điều kiện cải cách, mở cửa.

Trong lý luận Đặng Tiểu Bình về sự cầm quyền của ĐCS Trung Quốc có những luận điểm đáng chú ý sau đây:

Một là, Đặng khôi phục lại quan điểm thực sự cầu thị mà Mao Trạch Đông nêu ra lần đầu tiên vào tháng 10-1938 và bổ sung quan điểm giải phóng tư tưởng và nhấn mạnh tất cả phải xuất phát từ thực tế. Xuất phát từ quan điểm đó, ĐCS

Trung Quốc dùng chủ nghĩa Mác để chỉ đạo thực tiễn mới và cho rằng tuân theo chủ nghĩa Mác chính là tuân theo quan điểm thực tiễn. Chính Đặng đã mở đường cho đổi mới tư duy lý luận nói chung và tư duy lý luận về sự cầm quyền của ĐCS Trung Quốc nói riêng. Nội dung quan trọng của sự đổi mới ấy là đem lý luận gắn chặt với thực tiễn, lấy thực tiễn làm tiêu chuẩn và thường xuyên đối chiếu với thực tiễn để kiểm nghiệm chân lý, do vậy, việc đổi mới tư duy lý luận của ĐCS Trung Quốc không bị sa vào hình thức, không mang tính khẩu hiệu hay tính chủ quan, mà có tính thiết thực, đem lại hiệu quả trong hoạt động thực tiễn.

Hai là, Đặng không chỉ nhấn mạnh vai trò của thực tiễn, mà còn nhận thức một cách sâu sắc về vai trò to lớn của lý luận, đó là vai trò dẫn dắt, soi đường, chỉ đạo, định hướng của lý luận đối với thực tiễn. Ông cho rằng lý luận sai lầm dẫn đến thất bại trong hoạt động thực tiễn, ngược lại, lý luận đúng đắn sẽ dẫn đến thành công. Vì vậy, Đặng đã có nhiều đột phá trong nhiều lĩnh vực, trong đó có lý luận về sự cầm quyền của ĐCS Trung Quốc.

Ba là, ĐCS Trung Quốc đứng đầu là Đặng Tiểu Bình cho rằng Đảng cầm quyền không thể chỉ bằng nhân trị mà phải bằng pháp trị, do đó phải sớm xây dựng Nhà nước pháp trị để phát huy dân chủ và đề cao pháp luật. Đặng nhấn

manh muốn xây dựng “bốn hiện đại” cần phải phát huy dân chủ và tăng cường xây dựng pháp chế với hình tượng là “nắm cả hai tay, tay nào cũng phải cứng”. Ông đã nêu ra hàng loạt các nguyên tắc mà ĐCS Trung Quốc đã căn cứ vào đó để xây dựng Nhà nước pháp trị.

Bốn là, hệ thống lý luận của Đặng Tiểu Bình đã góp phần khắc phục những hậu quả nặng nề của lý luận trước đó về sự cầm quyền của ĐCS Trung Quốc và tạo ra những cơ sở để các thế hệ tiếp theo phát triển hệ thống lý luận này.

Tuy nhiên, Lý Thận Chi cho rằng, mặc dù lý luận của Đặng Tiểu Bình về cải cách, mở cửa đã đạt được nhiều thành tựu, nhưng toàn bộ thể chế và hình thái ý thức không hề thay đổi, vẫn giữ nguyên như thời Mao Trạch Đông. Việc Đặng Tiểu Bình dùng quân đội đàn áp sinh viên ngày 4-6-1989 ở Thiên An Môn là một tội lỗi không thể nào phủ nhận được. Việc dùng xe tăng giết hại sinh viên và quần chúng nhân dân ở Thiên An Môn là điều đau khổ, nhưng điều nghiêm trọng và đau khổ hơn là hành vi này đã bóp chết mầm dân chủ mới nhen nhú của người dân Trung Quốc. Lúc đầu Đặng Tiểu Bình hứa sẽ tiến hành cải cách thể chế dân chủ, nhưng sau đó thì im bật, giữ nguyên hiện trạng như trước. Tuy Đặng Tiểu Bình có nói về cải cách thể chế chính trị, thực hiện pháp trị, nhưng trên thực tế Đảng vẫn lãnh đạo tất cả, ngồi chễm chệ

trên luật pháp, vì thế ngành tư pháp căn bản không thể độc lập. Bởi vậy nói đổi mới sự cầm quyền của ĐCS Trung Quốc chỉ là những lời nói trống rỗng, nói hay nhưng làm dở hoặc nói nhưng không làm.

2. Phát triển lý luận về sự cầm quyền của ĐCS Trung Quốc của tập thể lãnh đạo thế hệ thứ ba do Giang Trạch Dân làm hạt nhân

Sau khi bước vào những năm 90 của thế kỷ XX, tập thể lãnh đạo thế hệ thứ ba do Giang Trạch Dân làm hạt nhân đã tập trung vào vấn đề cơ bản là xây dựng Đảng cầm quyền như thế nào, xây dựng bằng cách nào trong điều kiện lịch sử mới.

Ngay tại Hội nghị TW 4 khóa XIII, Giang Trạch Dân đã nhấn mạnh phải kiên trì yêu cầu là lập Đảng vì công, cầm quyền vì dân, thiết thực thực hiện: “Vì dân, thực tế, thanh liêm”.

Quyết định về việc tăng cường và cải tiến xây dựng tác phong của Đảng do Hội nghị TW 6 khóa XV của Đảng thông qua đã nêu lên những nhiệm vụ và yêu cầu về “8 kiên trì, 8 phản đối”, đó là: (1) Kiên trì giải phóng tư tưởng, thực sự cầu thị, phản đối bảo thủ; (2) Kiên trì lý luận gắn với thực tế, phản đối sao chép dập khuôn, chủ nghĩa sách vở; (3) Kiên trì gắn bó chặt chẽ với quần chúng, phản đối chủ nghĩa hình thức, chủ nghĩa quan liêu; (4) Kiên trì nguyên tắc tập trung

dân chủ, phản đối độc đoán, chuyên quyền, yếu kém rời rạc; (5) Kiên trì kỷ luật của Đảng, phản đối chủ nghĩa tự do; (6) Kiên trì công minh liêm khiết, phản đối lạm quyền mưu lợi riêng; (7) Kiên trì phấn đấu gian khổ, phản đối chủ nghĩa hưởng lạc; (8) Kiên trì tuyển dụng người có tài có đức, phản đối hiện tượng tiêu cực trong việc dùng người. Trong “8 kiên trì” nói trên, ĐCS Trung Quốc đặc biệt nhấn mạnh kiên trì phương châm “bốn hóa” và nguyên tắc vừa có đức, vừa có tài, đó là phương châm cách mạng hóa, tri thức hóa, chuyên nghiệp hóa, trẻ hoá đội ngũ cán bộ, kiên trì nguyên tắc vừa có đức, vừa có tài, đồng thời căn cứ vào tình hình và nhiệm vụ trước mắt không ngừng bổ sung nội hàm thời đại mới, xác định dùng người đúng đắn và nêu lên tư tưởng “tiến cùng thời đại”.

Có thể nói “8 kiên trì, 8 phản đối” và “4 hóa” nói trên là sự đóng góp quan trọng vào lý luận về sự cầm quyền của ĐCS Trung Quốc. Nhưng cốt hiến của Giang Trạch Dân đặc biệt to lớn, đó là tư tưởng quan trọng “Ba đại diện”: (1) Đảng phải đại diện cho phương hướng tiến lên của sức sản xuất tiên tiến; (2) Đảng phải đại diện cho phương hướng tiến lên của văn hóa tiên tiến; (3) Đảng phải đại diện cho lợi ích căn bản của quần chúng nhân dân. Trong Báo cáo chính trị được trình bày tại Đại hội XVI (2002) của ĐCS Trung Quốc, mặc dù tư tưởng “Ba đại

diện” không gắn với Giang Trạch Dân, nhưng ai cũng biết Giang chính là tác giả của tư tưởng đó. Tư tưởng quan trọng “Ba đại diện” được ĐCS Trung Quốc đánh giá là sự kế thừa và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông và lý luận Đặng Tiểu Bình, là vũ khí lý luận vững mạnh để tăng cường và cải tiến công tác xây dựng Đảng, đặc biệt là đổi mới lý luận về sự cầm quyền của ĐCS Trung Quốc. Sự đánh giá này cần được xem xét lại bởi vì đã có một thời Mao giương ngọn cờ duy quan hệ sản xuất và tiến hành Cách mạng văn hóa thực chất là phản văn hóa.

Lý Thận Chi phê phán Giang Trạch Dân đã chi hàng tỉ NDT tiến hành kỷ niệm 50 năm Quốc khánh để phô trương vai trò, địa vị cá nhân của mình. Dùng kỷ niệm Quốc khánh long trọng để che đậy bưng bít bao sự thực lịch sử là điều bất lợi. Những người có công trong cải cách như Hồ Diệu Bang, Triệu Tử Dương không hề được nhắc tới một lời, ngay như Hoa Quốc Phong có công đánh đổ bè lũ bốn tên cũng bị bỏ qua, trong khi Giang Trạch Dân chỉ biết tô vẽ cho cá nhân mình. Nếu Đặng Tiểu Bình dám nói rằng “CNTB có thể làm kinh tế thị trường thì CNXH cũng có thể làm kinh tế thị trường” thì vì sao Giang Trạch Dân không thể nói “CNTB có thể làm dân chủ nghị viện thì CNXH cũng có thể

làm dân chủ nghị viện”? Từ đó mở ra một cục diện mới cho sự cầm quyền của ĐCS Trung Quốc.

3. Phát triển lý luận của tập thể lãnh đạo thế hệ thứ tư do Hồ Cẩm Đào làm hạt nhân về sự cầm quyền của ĐCS Trung Quốc

Từ Đại hội XVI (năm 2002) của ĐCS Trung Quốc đến nay, tập thể lãnh đạo thế hệ thứ tư do Hồ Cẩm Đào làm hạt nhân kế thừa lý luận của các thế hệ trước, đã phát triển mạnh mẽ lý luận về sự cầm quyền của ĐCS Trung Quốc. Điều đó thể hiện ở những luận điểm sau đây:

Thứ nhất, lập Đảng vì công, cầm quyền vì dân, điểm xuất phát và điểm dừng chân căn bản là thực hiện nguyện vọng của nhân dân, bảo vệ lợi ích của nhân dân, luôn luôn giữ vững mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.

Hai là, kiên trì cầm quyền khoa học, cầm quyền dân chủ, cầm quyền theo pháp luật, không ngừng hoàn thiện phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng.

Ba là, Đảng cầm quyền làm việc chân thực, đổi mới sáng tạo, điều hành chính quyền hiệu quả cao, liêm khiết. Làm cho ĐCS Trung Quốc trở thành một chính đảng Mác-xít mãi mãi duy trì được tính tiên tiến, trụ vững trong mọi tình thế khó khăn. Cần phải kiên trì lấy tinh thần của cải cách để tăng cường xây

dựng Đảng, không ngừng tăng cường sức sáng tạo, sức hấp dẫn và sức chiến đấu của Đảng.

Bốn là, để cầm quyền có hiệu lực và hiệu quả thì Đảng phải không ngừng nâng cao 5 năng lực, bao gồm: (1) Năng lực điều hành kinh tế thị trường; (2) Năng lực phát triển chính trị dân chủ XHCN; (3) Năng lực xây dựng nền văn hóa tiên tiến XHCN; (4) Năng lực xây dựng xã hội hài hòa XHCN; (5) Năng lực ứng phó với tình hình quốc tế và xử lý các công việc quốc tế.

Như vậy, ĐCS Trung Quốc trải qua hơn 60 năm cầm quyền nên đã đúc rút được nhiều bài học kinh nghiệm thành công và không thành công, đã từng bước hình thành và phát triển lý luận về sự cầm quyền của ĐCS Trung Quốc. Lý luận đó tuy có thay đổi qua các thời kỳ cầm quyền, qua các thế hệ lãnh đạo, nhưng cũng có thể nói đó là một hệ thống lý luận gắn bó chặt chẽ với lý luận về kinh tế, về chính trị, về văn hóa, xã hội, về đối ngoại và an ninh quốc phòng. Vì vậy, khi xem xét lý luận về sự cầm quyền của ĐCS Trung Quốc chúng ta không thể xem xét tách rời các lý luận khác của ĐCS Trung Quốc. Có như vậy chúng ta mới hiểu rõ lý luận về sự cầm quyền và đổi mới, từ đó rút ra những kinh nghiệm có ích cho việc xây dựng lý luận về sự cầm quyền của ĐCS Việt Nam.

